



Milady's Standard Nail Technology

Nail Diseases and Disorders



“Change and growth take place when a person has risked himself and dares to become involved with experimenting with his own life.”

— **Herbert Otto**
German General



Objectives (*Các mục tiêu*)

- List and describe the various disorders and irregularities of nails.
- *Liệt kê và mô tả các rối loạn khác nhau và những bất thường của móng.*
- Recognize diseases of the nails that should not be treated in the salon.
- *Nhận biết các bệnh của móng không nên được điều trị tại các thẩm mỹ viện.*



Overview of Nail Disorders

(Tổng quát về các rối loạn móng)

Disorder (<i>Rối loạn</i>)	Signs or Symptoms (<i>Các dấu hiệu hoặc triệu chứng</i>)
Discolored nails (<i>Móng đổi màu</i>)	Nails turn variety of colors; may indicate surface staining, a systemic disorder, poor blood circulation. (<i>Móng biến đổi nhiều màu sắc; có thể biểu lộ vết bẩn trên bề mặt, rối loạn hệ thống, lưu thông máu kém.</i>)
Bruised nails (<i>Móng bầm</i>)	Dark purplish spots, usually due to physical injury. (<i>Các đốm tím đậm, thường là do chấn thương vật lý.</i>)
Ridged nails (<i>Móng gợn sóng</i>)	Lengthwise, wavy ridges seen in normal aging. (<i>Theo chiều dọc, các đường lằn gợn sóng nhìn thấy trong quá trình lão hóa bình thường</i>)



<p>Eggshell nails (<i>Móng vỏ trứng</i>)</p>	<p>Noticeably thin, white plate, more flexible than normal; usually caused by improper diet, hereditary factors, internal disease, or medication. (<i>mỏng, đĩa trắng, mềm dẻo hơn bình thường; thường được gây ra bởi chế độ ăn uống không đúng cách, các yếu tố di truyền, bệnh nội tiết, hoặc thuốc.</i>)</p>
<p>Beau's lines (<i>Móng sọc ngang</i>)</p>	<p>Depressions running across the width of the nail plate; a result of serious illness or injury. (<i>Đường rãnh chạy theo chiều ngang của đĩa móng; là kết quả của bệnh nặng hoặc bị thương.</i>)</p>
<p>Hangnail (<i>Xước mang rô</i>)</p>	<p>Living skin around the nail plate (often the eponychium) becomes split or torn. (<i>Da sống quanh đĩa móng (thường là eponychium) trở nên tách hoặc rách.</i>)</p>
<p>Infected finger (<i>Ngón tay nhiễm trùng</i>)</p>	<p>Redness, pain, swelling, or pus; refer to physician. (<i>Da bị đỏ, đau, sưng, hoặc có mủ; tham khảo bác sĩ.</i>)</p>



Overview of Nail Disorders, cont'd.

(Tổng quan về các rối loạn móng, tiếp)

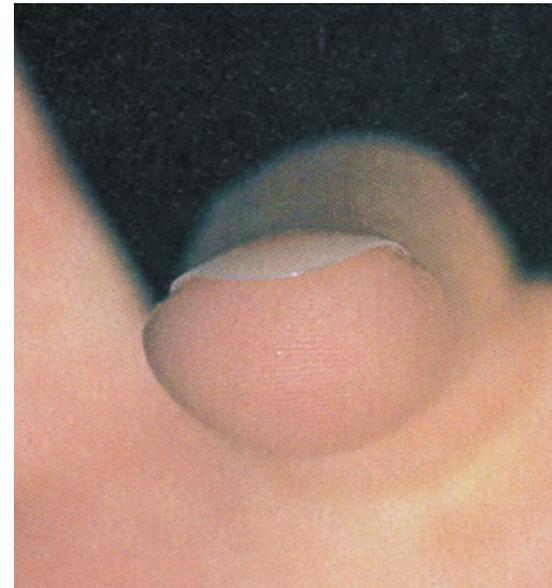
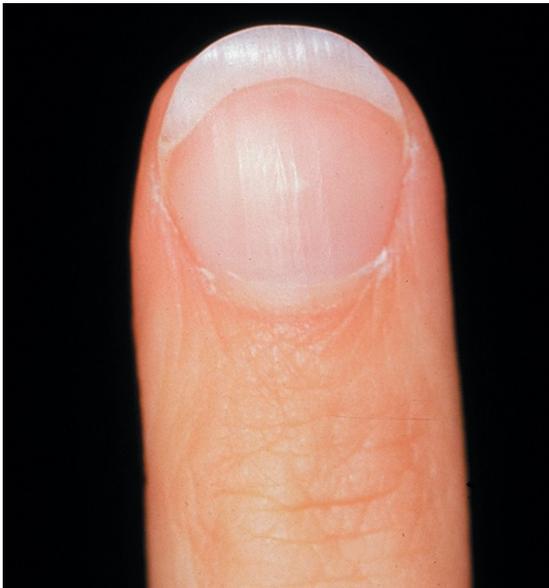
Leukonychia spots <i>(đốm trắng)</i>	Whitish discoloration of the nails; usually caused by minor injury to the nail matrix. Not related to the body's health or vitamin deficiencies. <i>(Màu trắng của móng; thường được gây ra bởi chấn thương nhỏ với mầm móng. Không liên quan đến sự thiếu hụt sức khỏe hoặc vitamin của cơ thể)</i>
Melanonychia <i>(móng đen)</i>	Significant darkening of the fingernails or toenails. <i>(màu khá tối của móng tay hoặc móng chân)</i>
Onychophagy <i>(cắn móng)</i>	Bitten nails. <i>(Móng bị cắn)</i>
Onychorrhexis <i>(móng chẻ)</i>	Abnormal surface roughness on the nail plate. <i>(Độ nhám bề mặt bất thường trên đĩa móng)</i>
Plicatured nails <i>(móng xếp nếp)</i>	Sharp bend in one corner of the nail plate creating increased curvature. <i>(Uốn cong sắc trong một góc của đĩa móng tạo thành sự tăng độ cong)</i>



Nail pterygium (<i>móng da chồm</i>)	Abnormal stretching of skin around nail plate; usually from serious injury or an allergic skin reaction. (<i>Sự kéo dài bất thường của da xung quanh móng; thường do chấn thương nghiêm trọng hoặc một phản ứng dị ứng da</i>)
Nail psoriasis (<i>bệnh vảy móng</i>)	Nail surface pitting, roughness, onycholysis, and bed discolorations. (<i>Bề mặt móng bị rỗ, thô ráp, bong móng, và nền móng đổi màu</i>)
Pincer nails (<i>móng gọng kìm</i>)	A form of dramatically increased nail curvature. (<i>Một hình thức của việc gia tăng đáng kể độ cong của móng</i>)
Trumpet nails	A form of dramatically increased nail curvature. (<i>Một hình thức của việc gia tăng đáng kể độ cong của móng</i>)

Nail Disorders (*Các rối loạn móng*)

- Bruised nails (*Móng bầm*)
- Ridges (*Móng gợn sóng*)
- Eggshell nails (*Móng vỏ trứng*)





Nail Disorders, cont'd.

(*Các rối loạn móng, tiếp*)

- Beau's lines (*Móng sọc ngang*)
- Hangnail (*Xước mang rô*)
- Leukonychia (*Đốm trắng*)



© Robert Baran, MD
(France).



© Robert Baran, MD
(France).



Nail Disorders, cont'd.

(*Các rối loạn móng, tiếp*)

- Melanonychia (*móng đen*)
- Onychophagy (*cắn móng*)
- Onychorrhexis (*móng chẻ*)



© Godfrey F. Mix, DPM,
Sacramento, CA.



© Godfrey F. Mix, DPM,
Sacramento, CA.



Nail Disorders, cont'd.

(*Các rối loạn móng, tiếp*)

- Plicatured nail (*móng xếp nếp*)
- Pterygium (*móng da chồm*)
- Increased curvature nails (*gia tăng đáng kể độ cong của móng*)
 - Pincer (*móng gọng kìm*)
 - Trumpet



© Godfrey F. Mix, DPM,
Sacramento, CA.



© Godfrey F. Mix, DPM,
Sacramento, CA.



Nail Fungus (*Nấm móng*)

- Parasites that may cause infections on the hands and feet
- *Ký sinh trùng có thể gây ra bệnh nhiễm trùng trên bàn tay và bàn chân*
- Highly contagious
- *Rất dễ lây*
- Grow where it is warm, dark, and moist
- *Mọc ở nơi ấm áp, tối, và ẩm*



Mold versus Bacteria

(*Nấm và vi khuẩn*)

Discolorations of the nail are not mold. They are a bacterial infection caused by *pseudomonas aeruginosa* or *staphylococcus aureus*.



Đổi màu của móng không phải là nấm. Nó là một bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gây ra bởi pseudomonas aeruginosa hoặc staphylococcus aureus.





Nail Diseases

(*Các bệnh của móng*)

- Indicated by redness, pain, swelling, pus, and inflammation
- *Biểu hiện bởi màu đỏ, đau, sưng, có mủ và viêm*
- Causes: contaminated implements
- *Nguyên nhân: dụng cụ bị nhiễm bẩn*
- Indications: yellow, green, brown, or black spots
- *Chỉ định: vàng, xanh lá cây, nâu, hoặc có đốm đen*
- Avoid infection: cleansing and disinfection
- *Tránh nhiễm trùng: làm sạch và khử trùng*





Overview of Nail Diseases

(*Tổng quan về các bệnh của móng*)

Disease (<i>bệnh</i>)	Signs or Symptoms (<i>Các dấu hiệu hoặc triệu chứng</i>)
Onychia (<i>viêm mầm móng</i>)	Inflammation of the matrix and shedding of the nail. (<i>Viêm ở mầm móng và rụng móng</i>)
Onychocryptosis	Ingrown nails. (<i>Móng mọc ngược</i>)
Onycholysis (<i>long móng</i>)	Separation of the nail plate and bed, often due to physical injury or allergic reactions. (<i>Sự tách rời nhau của đĩa móng và nền móng, thường là do chấn thương về thể chất hoặc các phản ứng dị ứng</i>)
Onychomadesis (<i>bong móng</i>)	Separation and falling off of a nail from the nail bed. (<i>Tách rời và bị rơi xuống của móng từ nền móng</i>)



Overview of Nail Diseases

(*Tổng quan về các bệnh của móng*)

Disease (<i>bệnh</i>)	Signs or Symptoms (<i>Các dấu hiệu hoặc triệu chứng</i>)
Onychomycosis	Fungal infection of the natural nail plate. (<i>Sự nhiễm nấm tự nhiên của đĩa móng</i>)
Paronychia (<i>viêm da quanh móng</i>)	Bacterial inflammation of the tissues around the nail plate, causing pus, swelling, and redness. (<i>Viêm do vi khuẩn của các mô xung quanh đĩa móng, gây mủ, sưng và đỏ</i>)
Pyrogenic granuloma (<i>u hạt nhiệt nhiễm khuẩn</i>)	Severe inflammation of the nail in which a lump of red tissue grows up from the nail bed to the nail plate. (<i>Viêm nhiễm nặng của móng, một cục mô màu đỏ lớn lên từ nền móng đến đĩa móng</i>)
Tinea pedis (<i>Nấm chân</i>)	Red itchy patches of skin on the bottom of feet and/or between the toes. (<i>vùng đỏ ngứa trên da dưới bàn chân và / hoặc giữa các ngón chân</i>)



Nail Diseases

(*Các bệnh của móng*)

- Onychosis: any deformity or disease of the nails
- *Bệnh móng: bất kỳ sự biến dạng hoặc bệnh của móng tay*
- Onychia (*viêm mầm móng*)
- Onychocryptosis



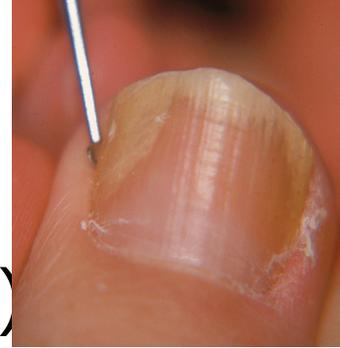
© Godfrey F. Mix, DPM, Sacramento, CA.



Nail Diseases, cont'd.

(*Các bệnh của móng, tiếp*)

- Onycholysis (*long móng*)
- Onychomadesis (*bong móng*)
- Nail psoriasis (*bệnh vảy móng*)



© Orville J. Stone, M.D.,
Dermatology Medical
Group, CA.



© Robert Baran, MD
(France).



Nail Diseases, cont'd.

(*Các bệnh của móng, tiếp*)

- Paronychia (*viêm da quanh móng*)
- Pyrogenic granuloma (*u hạt nhiệt nhiễm khuẩn*)





Nail Diseases, cont'd.

(*Các bệnh của móng, tiếp*)

- Tinea pedis (*Nấm chân*)
- Onychomycosis



© Reproduced with permission from American Academy of Dermatology. Copyright © 2010 All rights reserved.



© Robert Baran, MD (France).





Summary and Review

(Tóm tắt)

- What conditions do fungal organisms favor for growth?
- *Những điều kiện nào ủng hộ cho sự phát triển của nấm?*
- Name two common causes of onycholysis.
- *Kể tên hai nguyên nhân phổ biến của long móng.*
- In what situation should a nail service not be performed?
- *Trong những tình huống nào dịch vụ làm móng không nên được thực hiện?*
- What is *pseudomonas aeruginosa*, and why is it important to the nail technician?
- *Pseudomonas aeruginosa là gì, và tại sao nó quan trọng với các kỹ thuật viên làm móng?*



- SUMMARY AND REVIEW

-
- Well-manicured nails, whether natural or artificially applied, have always been recognized as an indication of good grooming. It's important to also remember that nails originate in the epidermal layer of the skin and, like hair, their condition is dependent upon the individual's overall health. Nails contain the chemical substance called keratin, and can be cut without pain. You cannot apply any topical product that will cause nails to grow, but a balanced diet filled with the daily required vitamins and nutrients will help produce healthy, disorder-free nails. Remember that your creativity in providing quality nail services must be grounded in a thorough knowledge and awareness of the structure and physiology of the nails. Working on unhealthy nails can be dangerous to both you and your clients. Learning to identify those conditions that must be referred to a physician is critical to the safety of you both.
- Let's review:
 -
 - **1. What conditions do fungal organisms favor for growth?**
 - **Answer:** dark, warm, and moist conditions
 - **2. Name two common causes of onycholysis.**
 - **Answer:** injury and allergic reactions
 - **3. In what situation should a nail service not be performed?**
 - **Answer:** A client whose nail or skin is infected, inflamed, broken, or swollen should not receive services. Instead, the client should be referred to a physician, if appropriate, based on the condition
 - **4. What is *pseudomonas aeruginosa*? Why is it important to learn about it?**
 - **Answer:** It is a naturally occurring bacteria on the skin that can grow out of control and cause an infection under certain conditions, especially lack of oxygen. Nail fungi are of concern in the salon because they are contagious and can be transmitted from one client to another through unsanitary implements and working conditions



Summary and Review, cont'd.

(Tóm tắt, tiếp)

- Name at least eight nail disorders and describe their appearance.
- *Kể tên ít nhất tám rối loạn móng và mô tả sự hình thành của chúng.*
- What is the most effective way to avoid transferring infections among your clients?
- *Cách hiệu quả nhất để tránh truyền nhiễm các nhiễm trùng giữa các khách hàng của bạn là gì?*
- If a client develops a nail infection, can nail technicians offer treatment advice for these conditions?
- *Nếu một khách hàng bị tăng nhiễm trùng móng, các kỹ thuật viên có thể cung cấp tư vấn điều trị cho những trường hợp này không?*
- Can nail technicians treat an ingrown toenail if there is no sign of pus or discharge?
- *Các kỹ thuật viên có thể điều trị móng chân mọc vào trong nếu không có dấu hiệu của mủ hoặc sự chảy mủ không?*



5. Name at least eight nail disorders, and describe their appearance.

Answer:

Bruised nails: dark purplish spots under nail plate.

Ridged nails: vertical ridges down length of nail plate.

Eggshell nails: thin, white nail plate that is more flexible than normal.

Beau's lines: visible depressions running across width of nail plate.

Hangnail: living skin splits around the nail.

Leukonychia: white spots on the nail.

Melanonychia: darkening of fingernails and toenails.



Congratulations!

You have completed one unit of study toward course completion.